TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN GÒ QUAO** **TỈNH KIÊN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 06/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 19-3-2018
V/v: Tranh chấp về ly hôn, nuôi con và nợ chung

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GÒ QUAO, TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán chủ tọa phiên tòa: Bà Danh Thị Kiều Oanh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Danh Út Nhỏ
2. Bà Lê Thị Nương

- ***Th□ ký phiên tòa***: Bà Nguyễn Thùy Linh - Thư ký của Tòa án nhân dân huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân***: Không tham gia phiên tòa.

Ngày 19 tháng 3 năm 2018 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 281/2017/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 10 năm 2017 "tranh chấp về ly hôn, nuôi con và nợ chung" theo Quyết định đ- a vụ án ra xét xử số: 06/2018/QĐXXST-DS ngày 7 tháng 3 năm 2018 giữa các đ- ơng sự:

Nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1974 (vắng mặt)

Địa chỉ: ấp B, xã Th, huyện G, tỉnh Kiên Giang

Bị đơn: Bà Trần Thị Bé B, sinh năm 1974

Địa chỉ: ấp B, xã Th, huyện G, tỉnh Kiên Giang

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Danh Si Ph, sinh năm: 1966 - Địa chỉ: ấp X, xã Th, huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang

Người bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp cho ông Danh Si Ph là ông Phạm Hữu P là Luật sư cộng tác viên của Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước thuộc Sở tư pháp Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện xin ly hôn đề ngày 16/10/2017 và lời trình bày của ông Nguyễn Văn T nh- sau: Ông với bà Trần Thị Bé B tự nguyện sống chung như vợ chồng với nhau vào năm 1996, có tổ chức đám cưới nhưng không có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Vợ chồng ông sống hạnh phúc đến

năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân là do hai người không hợp bất đồng quan điểm trong cuộc sống nên ông quyết định ly hôn với bà Bé B.

Vợ chồng ông có hai người con chung tên Nguyễn Văn V, sinh ngày 18/11/1996 và Nguyễn Văn Ng, sinh ngày 8/3/2004, hiện nay đang sống chung với gia đình.

Về tài sản chung: Ông T và bà Bé B tự thỏa thuận.

Về nợ chung: ông và bà Bé B có vay Ngân hàng N - chi nhánh Gò Quao số tiền gốc 30.000.000đồng vào tháng 8/2017.

Nguyện vọng:

Về quan hệ hôn nhân ông yêu cầu ly hôn với bà Trần Thị Bé B.

Về con chung tên Nguyễn Văn V, sinh ngày 18/11/1996 hiện nay đã trưởng thành trên 18 tuổi nên không yêu cầu gì còn Nguyễn Văn Ng, sinh ngày 8/3/2004 thì tùy nguyện vọng của cháu Văn Ngọc muốn theo ai thì người đó nuôi.

Về tài sản chung: ông T, bà Bé B tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về phần nợ: Nợ Ngân hàng N - chi nhánh Gò Quao số tiền gốc 30.000.000đồng vào tháng 8/2017, ông và bà Bé B tự thỏa thuận là để bà Bé B chịu trách nhiệm trả nợ cho Ngân Hàng không yêu cầu ông cùng trả. Còn đối với yêu cầu độc lập của ông Si Ph thì ông T không đồng ý vì số tiền 23.680.000đồng là bà Bé B thiếu trong thời gian ông T đi ghe biển không có ở nhà nên bà Bé Bà tự trả ông không liên quan.

Bị đơn bà Trần Thị Bé B thống nhất toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn T về thời gian kết hôn, về con chung theo lời trình bày của ông T là đúng, về tài sản chung và nợ chung thống nhất theo yêu cầu của ông T.

Tại phiên tòa về quan hệ hôn nhân bà Bé B đồng ý ly hôn với ông T. Về con chung tên Nguyễn Văn V, sinh ngày 18/11/1996 hiện nay đã trưởng thành trên 18 tuổi nên không yêu cầu gì còn Nguyễn Văn Ng, sinh ngày 8/3/2004 thì tùy nguyện vọng của cháu Văn Ngọc muốn theo ai thì người đó nuôi nếu theo bà thì bà đồng ý tiếp tục nuôi dưỡng chăm sóc giáo dục và không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung ông bà tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về nợ chung có vay Ngân hàng N chi nhánh Gò Quao số tiền gốc 30.000.000đồng vào tháng 8/2017 và bà còn nợ thêm ông Danh Si Ph 23.860.000đồng nhưng bà đã trả xong tiền nợ gốc và lãi cho Ngân hàng vào ngày 26/2/2018. Chỉ còn tiền nợ của ông Phanh thì bà tự chịu trách nhiệm trả không yêu cầu ông T cùng trả nhưng bà xin hẹn trả dần thành 3 đợt cụ thể như sau: Lần thứ nhất trả vào ngày 30/12/2018 trả 8.000.000đồng; Lần thứ hai trả vào ngày 30/6/2019 trả 8.000.000đồng và lần thứ ba trả vào ngày 30/6/2018 trả 7.860.000đồng là hết nợ, ngoài ra bà không trình bày gì thêm.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Danh Si Ph có đơn yêu cầu độc lập và trình bày tại phiên tòa như sau: Vào ngày 01/4/2016 ông có cho bà Trần Thị Bé B cùng chồng là ông Nguyễn Văn T vay số tiền 20.000.000đồng, hai bên thỏa thuận lãi suất 1%/tháng, bà Bé B có viết biên nhận nợ giao cho ông giữ, từ ngày vay cho đến nay bà Bé B không đóng lãi và trả vốn đồng nào. Ngoài số tiền vay bà Bé B còn mua gạo thiếu của ông 900.000đồng, tiền cám 800.000đồng và còn mượn thêm 600.000đồng. Nay vợ chồng bà Bé B ra tòa ly hôn nên ông yêu cầu phải trả tổng số tiền nợ là 25.900.000đồng (Trong đó nợ gốc 20.000.000đồng, lãi phát sinh 3.600.000đồng, tiền mua thiếu cám gạo 1.700.000đồng và tiền mượn thêm 600.000đồng). Nhưng tại phiên hòa giải bà Bé B chỉ thừa nhận còn thiếu ông Si Ph tiền vay 20.000.000đồng và đồng ý trả lãi theo lãi suất Ngân hàng Nhà nước quy định từ ngày 7/5/2016 cho đến ngày 7/11/2017 là 18 tháng được tính như sau: 20.000.000đồng x 0,75% x 18 tháng = 2.700.000đồng và số tiền mua cám gạo là 1.160.000đồng. Tổng cộng các khoản bằng 23.860.000đồng. Do ông Nguyễn Văn T là chồng bà Bé B không thừa nhận khoản nợ này nên ông Si Ph chỉ yêu cầu bà Bé B trả nợ và không yêu cầu ông T trả.

Nguyện vọng tại phiên tòa ông Si Ph yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Bé B phải có nghĩa vụ trả cho ông số tiền 23.860.000đồng trả một lần. Ngoài ra không yêu cầu gì thêm.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho ông Danh Si Ph là ông Phạm Hữu P: Đề nghị Hội đồng xét xử buộc bà Trần Thị Bé B phải có nghĩa vụ trả cho ông Danh Si Ph số tiền nợ 23.860.000đồng và không yêu cầu ông T cùng trả.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã đ□ợc thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục*:* Ông Nguyễn Văn T là nguyên đơn vắng mặt tại phiên tòa, nhưng ông có đơn đề nghị hòa giải và xét xử vắng mặt, căn cứ vào khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 Tòa án tiến hành xét xử vụ án là phù hợp quy định pháp luật.

[2] Về quan hệ hôn nhân: ông Nguyễn Văn T và bà Trần Thị Bé B tự nguyện sống chung như vợ chồng với nhau vào năm 1996, có tổ chức đám cưới nhưng ông bà không có làm thủ tục đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật là đã vi phạm tại Điều 11 Luật hôn nhân và gia đình năm 2000 đã được sửa đổi bổ sung năm 2010 cho nên hôn nhân của ông bà là hôn nhân không hợp pháp. Tại thời điểm xét xử Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 đã có hiệu lực nên căn cứ vào Điều 53 và 131 Luật hôn nhân gia đình năm 2014 Hội đồng xét xử tuyên bố

không công nhận quan hệ hôn nhân giữa ông Nguyễn Văn T và bà Trần Thị Bé B là quan hệ vợ chồng.

[3] Về con chung: Ông T, bà Bé B đều khai có hai người con chung tên Nguyễn Văn V, sinh ngày 18/11/1996 và Nguyễn Văn Ng, sinh ngày 8/3/2004. Ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận của ông T, bà Bé B là Nguyễn Văn V đã lớn nên không yêu cầu gì. Và ông T đồng ý giao con tên Nguyễn Văn Ng cho bà Bé B được quyền tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục là phù hợp với nguyện vọng của cháu Ngọc và đúng quy định pháp luật. Bà Bé B không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con.

[4] Về tài sản chung: Ông T và bà Bé B tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX không xem xét.

Về phần nợ*:* ông T, bà Bé B và ông Si Ph thống nhất với nhau là bà Bé B thừa nhận và đồng ý trả cho ông Si Ph số tiền nợ 23.860.000đồng nhưng tại phiên tòa bà Bé B yêu cầu xin trả dần thành 3 đợt cụ thể như sau: Lần thứ nhất trả vào ngày 30/12/2018 trả 8.000.000đồng; Lần thứ hai trả vào ngày 30/6/2019 trả 8.000.000đồng và lần thứ ba trả vào ngày 30/6/2018 trả 7.860.000đồng; yêu cầu này không được ông Si Ph đồng ý nên Hội đòng xét xử không có cơ sở xem xét mà cần áp dụng Điều 466 Bộ luật dân sự năm 2015 buộc bà Bé B phải có nghĩa vụ trả số tiền nợ cho ông Si Ph một lần sau khi bản án có hiệu lực pháp luật là phù hợp với quy định pháp luật. Về tiền nợ Ngân hàng N chi nhánh Gò Quao bà Bé B đã trả xong nợ gốc lãi và cũng không có ai yêu cầu gì nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Xét yêu cầu của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho ông Danh Si Ph là có cở sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Về án phí hôn nhân sơ thẩm bằng 300.000đồng ông T phải nộp do ông có yêu cầu ly hôn.

Về án phí dân sự có giá ngạch trong tổng số tiền phải trả: 23.860.000đồng x 5% = 1.193.000đồng buộc bà Bé B phải có nghĩa vụ nộp.

Hoàn trả lại cho ông Danh Si Ph số tiền nộp tạm ứng án phí là 648.000đồng theo biên lai thu số 0000113 ngày 16 tháng 10 năm 2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

□p dụng Điều 28, Điều 147, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 11 Luật hôn nhân và gia đình năm 2000; Điều 53, Điều 60, khoản 2 Điều 81, 82 và 131 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 357, 466, 468 BLDS và khoản 6 Điều 26, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban Thường Vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Tuyên bố không công nhận quan hệ hôn nhân giữa ông Nguyễn Văn T và bà Trần Thị Bé B là quan hệ vợ chồng.

2. Về con chung: Ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận của ông Nguyễn Văn T và bà Trần Thị Bé B là ông T đồng ý giao con tên Nguyễn Văn Ng, sinh ngày 8/3/2004 cho bà Trần Thị Bé B được quyền tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục và bà Bé B không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con.

Khi cần thiết ông T, bà Bé B có quyền yêu cầu xin thay đổi quyền nuôi con và cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật. Không ai có quyền cản trở việc ông T tới lui thăm nom con chung.

3. Về tài sản chung: Miễn xét.

4. Về phần nợ: Buộc bà Trần Thị Bé B phải có nghĩa vụ trả cho ông Danh Si Ph số tiền 23.860.000đồng (Hai mươi ba triệu tám trăm sáu mươi ngàn đồng).

Kể từ ngày ông Si Ph có đơn yêu cầu thi hành án mà bà Bé B chưa trả đủ số tiền nêu trên thì bà Bé B còn phải chịu lãi suất theo mức lãi quy định tại Điều 357 và khoản 2 Điều 468 BLDS tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

5. Về án phí HNST: Là 300.000đồng (Ba trăm nghìn đồng) ông Nguyễn Văn T phải nộp nh- ng đ- ợc khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà ông đã nộp trước đây là 300.000đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0000110 ngày 16 tháng 10 năm 2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang. Xem như, ông T đã nộp đủ án phí hôn nhân sơ thẩm.

Về án phí dân sự có giá ngạch: 23.860.000đồng x 5% = 1.193.000đồng (Một triệu một trăm chín mươi ba ngàn đồng) buộc bà Bé B phải có nghĩa vụ nộp.

Hoàn trả lại cho ông Danh Si Ph số tiền nộp tạm ứng án phí là 648.000đồng (Sáu trăm bốn mươi tám ngàn đồng) theo biên lai thu số 0000113 ngày 16 tháng 10 năm 2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang.

Báo cho bà Trần Thị Bé B và ông Danh Si Ph biết có quyền kháng cáo bản án trong hạn luật định là 15 ngày kể từ ngày tuyên án là ngày 19/3/2018.

Đối với ông T có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

"Trường hợp bản án quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, Điều 9, Điều 7, Điều 7a và Điều 7b Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật thi hành án dân sự".

TM/. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
-Tòa án tỉnh;
-Viện kiểm sát nhân dân huyện;
-Chi cục THADS huyện;
- UBND xã Th ;
-Các đ- ơng sự;
-L- u hồ sơ.

(Đã ký)

Danh Thị Kiều Oanh